

Bản án số: 36 /2022/HS-ST
Ngày 29 tháng 12 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiến
2. Ông Hứa Văn Chế

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phùng Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2022/TLST - HS ngày 25 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2022/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 12 năm 2022; QĐ hoãn phiên tòa số 01/QĐ- HSST ngày 21/12/2022, đối với các bị cáo:

1. PHẠM THỊ G; sinh ngày 18 tháng 6 năm 1962, tại Hà Giang; đăng ký HKTT: Tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Nghỉ hưu trí; trình độ văn hoá: 10/10; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Phạm Văn C, con bà: Nguyễn Thị P (đều đã chết); chồng: Đỗ Mạnh H (đã ly hôn); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/11/1985: Mua, bán trái phép vật liệu nổ; Công an thị xã H, Hà Tuyên xử lý vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000đ (*đã chấp hành xong*). Ngày 31/7/1993: Trộm cắp tài sản, Công an thị xã H, tỉnh Hà Giang chuyển Viện kiểm sát đề nghị truy tố (*đã chấp hành xong*). Ngày 25/6/2007, TAND thị xã Hà Giang xử 09 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (*đã chấp hành xong*). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2022, ngày 13/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại tại tổ 06, phường Q, TP. H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

2. BÙI THỊ T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 10 năm 1963 tại: tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 6, phường Q, TP.H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Đã nghỉ hưu trí; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

Không; trình độ học vấn: 10/10; giới tính: Nữ; con ông: Bùi Trung T, con bà: Nguyễn Thị C (đều đã chết); chồng: Hứa Trung D (đã chết); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/7/2009 bị Công an thị xã H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc (đã chấp hành xong); ngày 23/9/2017 bị Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi Đánh bạc (đã chấp hành xong). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2022, ngày 13/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. Hiện đang tại ngoại tại tổ 06, phường Q, TP. H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

3. PHAN THỊ H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 02 năm 1969 tại tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 08, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/10; con ông: Phan Văn H và con bà: Hoàng Kim K (đều đã chết); chồng: Đặng Đình C (đã chết); con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: Có 01 (một) tiền án: Ngày 10/8/2021, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 36 tháng tù theo bản án số 38/2021/HSST về tội Đánh bạc (chưa chấp hành xong); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/11/2008: Mua bán trái phép chất ma túy; ngày 18/5/2009, TAND thị xã H xử 02 năm tù giam (đã chấp hành xong). Ngày 10/11/2010, TAND tỉnh Hà Giang xử 36 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp với 23 tháng 10 ngày tù tại bản án số 12/2009 của TAND thị xã Hà Giang (đã chấp hành xong). Ngày 15/9/2022 Tòa án nhân dân thành phố H ban hành Quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 16/9/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang, có mặt.

4. ĐÀO XUÂN K; tên gọi khác: Không; sinh ngày 27 tháng 5 năm 1969, tại tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 17, phường T, TP. H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Đào Xuân H, con bà: Đỗ Thị N; vợ: Nguyễn Thị H (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 1995; tiền án: Có 01 tiền án ngày 29/3/2016, TAND tỉnh Hà Giang xử 40 tháng tù theo bản án số 12/2016/HSST (tổng hợp của cả bản án số 65/2014); tiền sự: không; nhân thân: Ngày 29/12/2005, gây rối trật tự công cộng, Công an thị xã H xử phạt vi phạm hành chính (đã chấp hành xong). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 16/9/2022 tại tổ 17, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

5. NGUYỄN BÍCH N; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 25 tháng 01 năm 1984, tại tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 06, phường Nguyễn T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Quang H (đã chết); con bà: Nguyễn Thị T; chồng: Phạm Đình S; con: Có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/9/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội Đánh bạc; bị cáo bị bắt tạm giam ngay tại phiên tòa ngày 26/9/2022, đến ngày 09/11/2022 được

áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 06, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

6. TẠ ĐỨC V; tên gọi khác: Không; sinh ngày 23 tháng 5 năm 1986 tại tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 04, phường Q, TP. H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Tạ Đức P; con bà: Nguyễn Thị Hồng T; vợ: Phạm Thị L; con: Có 02 con sinh đôi sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/9/2022 tại tổ 04, phường Quang T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Duy N; sinh năm 1980; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 05, phường Q, TP. H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

2. Vũ Văn T; sinh năm 1967; nghề nghiệp: Nghỉ hưu trí; địa chỉ: Tổ 13, phường N, TP. H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

3. Nguyễn Kim T; sinh năm 1971; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 13, phường T, TP. H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 42 phút đến 18 giờ 15 phút ngày 07/9/2022, tại tổ 6, phường Q, thành phố H, bị cáo Phạm Thị G; cư trú: Tổ 6, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang đã thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô số đề cho 03 bị cáo gồm:

1. Bị cáo Bùi Thị T (cư trú: Tổ 07, phường Q, TP H) đã có hành vi Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc với tổng số tiền mua số lô, số đề là 46.020.000đ (*bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*).

2. Bị cáo Đào Xuân K (cư trú: Tổ 15, phường T, thành phố H) đã có hành vi đánh bạc 01 lần với tổng số tiền 25.770.000đ (*Hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*).

3. Bị cáo Phan Thị H (cư trú: Tổ 08, phường T, TP. H) đã có hành vi đánh bạc 01 lần với tổng số tiền là 5.800.000đ (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*).

Tổng số tiền bị cáo G thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc là: 77.590.000đ (*Bảy mươi bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*), số tiền phần trăm bị cáo G được hưởng lợi là 353.000đ (*ba trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Vào khoảng từ 16 giờ 59 phút đến khoảng 18 giờ 13 phút ngày 07/9/2022, tại tổ 7, phường Q, thành phố H, bị cáo Bùi Thị T đã thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô cho 02 bị cáo khác và 03 đối tượng liên quan gồm:

1. Bị cáo Nguyễn Bích N đã có hành vi Đánh bạc 01 lần với tổng số tiền là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*).
2. Bị cáo Tạ Đức V đã có hành vi Đánh bạc 01 lần với tổng số tiền 8.800.000đ (*Tám triệu tám trăm nghìn đồng*).
3. Nguyễn Duy N đã có hành vi Đánh bạc 01 lần với số tiền 625.000đ (*sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).
4. Nguyễn Kim Th đã có hành vi Đánh bạc 01 lần với số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).
5. Vũ Văn T đã có hành vi Đánh bạc 01 lần với số tiền 900.000đ (*chín trăm nghìn đồng*).

Tổng số tiền bị cáo T tổ chức đánh bạc là 35.525.000đ (*Ba mươi lăm triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), số tiền phần trăm được hưởng lợi bất chính là 1.509.000đ (*một triệu năm trăm linh chín nghìn đồng*) ngoài ra bị cáo T trực tiếp thực hiện hành vi Đánh bạc với tổng số tiền là 10.665.000đ (*Mười triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai:

1. Bị cáo Phạm Thị G khai: Khoảng cuối tháng 8 năm 2022, thấy việc mua, bán số lô, số đề thu được lợi nhuận cao, nên bị cáo nảy sinh ý định lập bảng để mua, bán số lô, số đề để mọi người tổ chức đánh bạc và đánh bạc với bị cáo thông qua kết quả mở thưởng xổ số miền Bắc mở thưởng hàng ngày để hưởng tiền phần trăm chênh lệch. Bị cáo là người trực tiếp thỏa thuận với 03 người khác gồm: Bùi Thị T, Đào Xuân K, Phan Thị H về việc nhận mua bán các số lô và thống nhất nội dung, phương thức thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc và đánh bạc như sau:

Thứ nhất:

- Số lô: Có 100 ô số lô là các số tự nhiên gồm hai chữ số (*từ 00 đến 99*), đối tượng đánh bạc có quyền lựa chọn các ô số bất kỳ để mua với số “*điểm*” tùy ý. Trong đó, “*số điểm*” là số tự nhiên lớn hơn 0. Đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc cùng ngày, ô số nào trùng với hai số cuối của một trong các giải là ô trúng thưởng.

- Số lô xiên (*xiên 2, xiên 3*): Người đánh bạc lựa chọn 2 hoặc 3 ô số bất kỳ kết hợp thành một cặp. Cặp lô xiên trúng thưởng là cả 2 hoặc 3 số trong cặp trùng với hai số cuối của một trong các giải xổ số kiến thiết miền Bắc cùng ngày.

- Số đề: Có 100 ô số là các số tự nhiên gồm hai chữ số (*từ 00 đến 99*), đối tượng đánh bạc có quyền lựa chọn các ô số bất kỳ để mua với số tiền tùy ý, sau đó đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc cùng ngày, ô số đã mua trùng với hai số cuối của giải đặc biệt là ô trúng thưởng.

- Số đề ba càng: Có 1000 ô số là các số tự nhiên gồm ba chữ số (*từ 000 đến 999*), đối tượng đánh bạc có quyền lựa chọn các ô số bất kỳ để mua với số tiền tùy ý, sau đó đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc cùng ngày, ô số đã mua trùng với ba số cuối của giải đặc biệt là ô trúng thưởng.

Thứ hai: Số đề được tính tỷ lệ cá cược là 1 x 70 lần; số đề ba càng tỷ lệ cá cược 1 x 350 lần; số lô điểm tỷ lệ cá cược 01 điểm x 80.000 đồng, số lô xiên 2 tỷ lệ cá cược 1 x 10 lần; số lô xiên 3 tỷ lệ cá cược 1 x 40 lần.

Thứ ba: Giá số đề, số lô xiên 2, số lô xiên 3 là 72%, số lô điểm là 21.800 đồng/1 điểm.

Sau khi nhận các số lô, số đề của những người mua, bị cáo chuyển các số đó cho một người đàn ông tên Phúc (*hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể*) để hưởng tiền chênh lệch phần trăm hoa hồng. Bị cáo và người đàn ông tên Phúc thỏa thuận thống nhất với nhau bị cáo sẽ sử dụng số điện thoại 0867.685.712 gửi các tin nhắn mua các số lô, số đề đến số điện thoại 0363.626.527 của người tên Phúc. Khi chuyển các số lô, số đề cho Phúc, đổi với số lô một điểm bị cáo phải trả số tiền 21.700đ (*hai mươi một nghìn bảy trăm đồng*), còn đổi với số đề, số đề ba càng, số lô xiên 2, số lô xiên 3 giá là 71,5%.

Sau khi đã thống nhất cách thức thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc bằng hình thức mua và bán số lô, số đề. Từ khoảng 16 giờ 42 phút đến 18 giờ 15 phút ngày 07/9/2022, bị cáo đã trực tiếp nhận tin nhắn của 03 người cụ thể như sau: Bị cáo sử dụng 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu đen, bên trong có lắp 01 (*một*) thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0589.582.256 để nhận 03 (*ba*) tin nhắn mua các số lô, số đề của bị cáo T với tổng số tiền là 15.830.000đ (*mười lăm triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*), sau khi trừ phần trăm số tiền thực tế T phải thanh toán cho bị cáo là 14.080.000đ (*mười bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*). Sau đó, do chiếc sim bị lỗi, không gửi được tin nhắn nên bị cáo đã tháo chiếc sim ra vứt ở trong phòng ngủ của mình tại nhà riêng thuộc tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang (*Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng chưa phát hiện chiếc sim trên*) và lắp chiếc sim Viettel có số thuê bao 0867.685.712 để tiếp tục nhận 07 (*bảy*) tin nhắn của bị cáo T với tổng số tiền mua các số lô, số đề là 30.190.000đ (*ba mươi triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*), sau khi trừ phần trăm số tiền thực tế T phải thanh toán cho bị cáo là 25.312.000đ (*hai mươi lăm triệu ba trăm mười hai nghìn đồng*). Ngoài ra trong ngày 07/9/2022, bị cáo còn sử dụng sim có số thuê bao 0867.685.712 để nhận các tin nhắn mua các số lô, số đề của bị cáo K với tổng số tiền 25.770.000đ (*Hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*), số tiền thực tế dùng để đánh bạc sau khi trừ phần trăm là 23.084.000đ (*hai mươi ba triệu không trăm tám mươi tư nghìn đồng*) và bị cáo H với tổng số tiền 5.800.000đ (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*), số tiền thực tế dùng để đánh bạc sau khi trừ phần trăm là 5.368.000đ (*năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng*). Tổng số tiền bị cáo G nhận các số lô, số đề của các bị cáo T, K, H là 77.590.000đ (*Bảy mươi bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*), tổng số tiền thực tế dùng để đánh bạc sau khi trừ phần trăm là 67.844.000đ (*sáu mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*)

2. Quá trình điều tra bị cáo K khai: Bị cáo sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12, vỏ màu đen, bên trong có lắp 01 (*một*) thẻ sim Viettel có số thuê bao 0399.881.036 nhận 06 (*sáu*) tin đến số 0867.685.712 của bị cáo G mua 9.050.000đ (*chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền số đề, 760 điểm số

lô = 16.720.000đ (mười sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), tổng số tiền mua các số lô, số đề là 25.770.000đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), số tiền thực tế dùng để đánh bạc sau khi trừ phần trăm là 23.084.000đ (hai mươi ba triệu không trăm tám mươi tư nghìn đồng). Bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng) và chiếc điện thoại di động sử dụng để đánh bạc cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Giang.

3. Bị cáo H khai: Bị cáo sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A51, vỏ màu xanh, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Viettel có số thuê bao 0961.369.088 nhấc 02 (hai) tin đến số 0867.685.712 của bị cáo Giới mua 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền số đề, 200 điểm số lô = 4.400.000đ (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), tổng số tiền mua các số lô, số đề là 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm nghìn đồng), số tiền thực tế dùng để đánh bạc sau khi trừ phần trăm là 5.368.000đ (năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.760.000đ (Năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) và chiếc điện thoại di động sử dụng để đánh bạc cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố H.

Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang bị cáo T và Lệnh khám xét khẩn cấp đối với bị cáo G có đủ cơ sở để xác định tại thời điểm hành vi Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc bị ngăn chặn, chưa có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc cùng ngày. Do vậy, số tiền mà bị cáo G Tổ chức đánh bạc với các bị cáo T, K, H được tính bằng tổng số tiền mua các số lô, số đề là 77.590.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng). Trong số tiền nhận các số lô, số đề của những người mua, bị cáo G giữ lại số tiền 3.060.000đ (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền số đề để tự thanh toán với những người mua, ngoài ra bị cáo G còn trực tiếp mua các số đề với số tiền là 1.010.000đ (một triệu không trăm mười nghìn đồng). Tổng số tiền bị cáo G chuyển các số lô, số đề cho P trong ngày 07/9/2022 là 75.540.000đ (bảy mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Do P và G thống nhất với nhau, khi số tiền phải thanh toán đạt mức khoảng 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) thì sẽ thanh toán cho nhau, nhưng bị cáo G chuyển các số lô, số đề cho P chưa đến hạn mức phải thanh toán nên bị cáo G chưa thanh toán tiền cho P. Tổng số tiền chênh lệch mà bị cáo G được hưởng từ việc mua, bán số lô, số đề sau khi đã triết khấu hoa hồng là 353.000đ (ba trăm năm mươi ba nghìn đồng).

4. Bị cáo T khai: Sau khi thống nhất với bị cáo G về việc chuyển số lô, số đề, bị cáo đã chủ động kết nối với 05 người gồm: Nguyễn Bích N, Tạ Đức V, Nguyễn Duy N, Nguyễn Kim Th và Vũ Văn T, thỏa thuận và thống nhất giá bán số đề, số đề ba càng, lô xiên 2, xiên ba là 80%, số lô điểm là 22.000 đồng/1 điểm. Từ khoảng 16 giờ 59 phút đến 18 giờ 13 phút ngày 07/9/2022, bị cáo sử dụng 02 (hai) điện thoại di động: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu đen, bên trong có lắp 01 (một) thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0582.725.872 và 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A31, vỏ màu đen, bên trong có lắp 01 (một) thẻ sim Viettel có số thuê bao 0979.698.333, cài đặt tài khoản ZALO có tên “Bui Thao” để nhận các số lô, số đề của N, V, Th, N và T với tổng số tiền là 35.525.000đ (Ba mươi lăm triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng), số tiền thực

tế dùng để đánh bạc sau khi trừ phần trăm là 31.660.000đ (*ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*), ngoài ra bị cáo còn trực tiếp mua các số lô, số đề với bị cáo G, tổng số tiền là 10.580.000đ (*mười triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

5. Bị cáo Nguyễn Bích N khai: Bị cáo thừa nhận ngày 07/9/2022 sử dụng điện thoại nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu vàng, bên trong lắp 01 (*một*) thẻ sim mobiphone có số thuê bao 0938.130.696 nhắn 05 (*năm*) tin đến số 0582.725.872 của bị cáo T mua 15.100.000đ (*mười lăm triệu một trăm nghìn đồng*) tiền số đề, 450 điểm số lô = 9.900.000đ (*chín triệu chín trăm nghìn đồng*), tổng số tiền mua các số lô, số đề là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), số tiền thực tế dùng để đánh bạc sau khi trừ phần trăm là 21.980.000đ (*hai mươi một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*). Bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) và chiếc điện thoại di động sử dụng để đánh bạc cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố H.

6. Bị cáo Tạ Đức V khai: Bị cáo xác nhận ngày 07/9/2022 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY, vỏ màu trắng, bên trong lắp 01 (*một*) thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0942.351.986, cài đặt tài khoản ZALO có tên "*Tạ Đức Việt*" nhắn 01 (*một*) tin đến tài khoản ZALO của bị cáo Thảo mua 400 điểm số lô = 8.800.000đ (*Tám triệu tám trăm nghìn đồng*). Bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 8.800.000đ (*tám triệu tám trăm nghìn đồng*) và chiếc điện thoại di động sử dụng để đánh bạc cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố H.

- Những người tham gia mua số lô đề khác:

Ông N xác nhận ngày 07/9/2022 nhắn 02 (*hai*) tin đến số 0979.698.333 của bị cáo T mua 125.000đ (*một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền số đề, 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) tiền số lô. Tổng số tiền mua các số lô, số đề là 625.000đ (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), số tiền thực tế dùng để đánh bạc sau khi trừ phần trăm là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*). Quá trình làm việc ông Nghĩa đã tự nguyện giao nộp số tiền sử dụng để mua các số lô, số đề cho cơ quan điều tra. Sau khi biết hành vi đánh bạc của Bùi Thị T bị cơ quan Công an phát hiện, sợ bị liên đới nên N đã vứt chiếc điện thoại sử dụng để mua các số lô, số đề với bị cáo T tại khu vực thùng rác trước cửa nhà văn hóa thuộc tổ 05, phường Q, TP. H.

Ông Th khai ngày 07/9/2022 nhắn 01 (*một*) tin đến số 0979.698.333 của bị cáo T mua các số đề với số tiền là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), số tiền thực tế dùng để đánh bạc sau khi trừ phần trăm là 160.000đ (*một trăm sáu mươi nghìn đồng*). Ông T đã tự nguyện giao nộp số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) và chiếc điện thoại di động sử dụng để đánh bạc cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố H.

Ông T khai ngày 07/9/2022 nhắn 01 (*một*) tin đến số 0979.698.333 của bị cáo T mua 250.000đ (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền số đề, 650.000đ (*sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền số lô và lô xiên ba, tổng số tiền mua các số lô, số đề là 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*), số tiền thực tế dùng để đánh bạc sau khi trừ phần trăm là 720.000đ (*bảy trăm hai mươi nghìn đồng*). Sau khi làm việc ông T đã tự nguyện giao nộp số tiền 900.000đ (*chín trăm nghìn đồng*) và chiếc điện thoại di động sử dụng để đánh bạc cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố H.

Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang bị cáo T, có đủ cơ sở để xác định tại thời điểm hành vi Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc bị ngăn chặn chưa có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc cùng ngày. Do vậy, số tiền mà bị cáo T Tổ chức đánh bạc với các bị cáo N, Việt và những người liên quan Th, N, T được tính bằng tổng số tiền mua các số lô, số đề là 35.525.000đ (*Ba mươi lăm triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), số tiền thực tế dùng để đánh bạc sau khi trừ phần trăm là 31.660.000đ (*ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trong số tiền nhận các số lô, số đề của những người mua, bị cáo T giữ lại số tiền 85.000đ (*tám mươi lăm nghìn đồng*) tiền số đề để tự thanh toán với những người mua, ngoài ra bị cáo T còn trực tiếp mua các số lô, số đề với tổng số tiền là 10.580.000đ (*mười triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền bị cáo T chuyển các số lô, số đề cho Giới trong ngày 07/9/2022 là 46.020.000đ (*bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*), số tiền thực tế dùng để đánh bạc sau khi trừ phần trăm là 39.392.000đ (*ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*). Tổng số tiền chênh lệch mà bị cáo T được hưởng từ việc mua, bán số lô, số đề sau khi đã trừ khấu hoa hồng là 1.509.000đ (*một triệu năm trăm linh chín nghìn đồng*).

- Phương thức thanh toán: Các đối tượng đánh bạc thỏa thuận thanh toán với nhau trực tiếp bằng tiền Việt Nam đồng.

*** Vật chứng vụ án:**

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. H, tỉnh Hà Giang đã thu giữ các vật chứng và chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà quản lý theo quy định của pháp luật, gồm:

- 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu đen, loại bàn phím bấm, bên trong có lắp thẻ sim Viettel có số thuê bao 0867.685.712 và 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, mặt sau màu hồng bị vỡ nhiều vị trí, bên trong có lắp thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0835.233.288 (*điện thoại của Phạm Thị G, đã qua sử dụng*).

- 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu đen, loại bàn phím bấm, bên trong có lắp thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0582.725.872 và 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A31, vỏ màu đen, bên trong có lắp thẻ sim Viettel có số thuê bao 0979.698.333 (*điện thoại của Bùi Thị T, đã qua sử dụng*).

- 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12, vỏ màu đen, bên trong có lắp 01 (*một*) thẻ sim Viettel có số thuê bao 0399.881.036 (*điện thoại của Đào Xuân K, đã qua sử dụng*).

- 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A51, vỏ màu xanh, bên trong lắp 01 (*một*) thẻ sim Viettel có số thuê bao 0961.369.088 (*điện thoại của Phan Thị H, đã qua sử dụng*).

- 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY, vỏ màu trắng, bên trong lắp 01 (*một*) thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0942.351.986 (*điện thoại của Tạ Đức V, đã qua sử dụng*).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu xanh, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0913.027.177 (điện thoại của Nguyễn Kim Th, đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu vàng, loại bàn phím bấm, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Mobiphone có số thuê bao 0938.130.696 (điện thoại của Nguyễn Bích N, đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu trắng, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0912.565.379 (điện thoại của Vũ Văn T, đã qua sử dụng).

- 01 (một) máy tính nhãn hiệu CASIO LC-403TV (đã qua sử dụng).

- 01 (một) tờ giấy dòng kẻ đã qua sử dụng, một mặt giấy có ghi nhiều chữ và số, có chữ ký xác nhận của Phạm Thị Giới.

- 02 (hai) tờ giấy A4 đã qua sử dụng, trên bề mặt giấy có ghi nhiều chữ và số, có chữ ký xác nhận của Phạm Thị Giới.

- Số tiền 65.285.000đ (Sáu mươi lăm triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Đào Xuân K, Phan Thị H, Nguyễn Bích N, Tạ Đức V, Vũ Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Kim Th giao nộp đã chuyển từ tài khoản tạm giữ số: 3949 0 9049423 00000 của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Giang tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang đến tài khoản tạm giữ số 3949.0.1047738.0000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Giang.

Bản cáo trạng số 35/CT- VKTPHG ngày 24/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Phạm Thị G về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định điểm c khoản 1 Điều 322; bị cáo Bùi Thị T về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Đào Xuân K, Phan Thị H, Nguyễn Bích N, Tạ Đức V về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan CSĐT, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, vật chứng thu giữ được, phù hợp với kết quả điều tra, nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị.

- Tuyên bố

1. Bị cáo Phạm Thị G phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định điểm c khoản 1 Điều 322- Bộ luật hình sự;

2. Bị cáo Bùi Thị T phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự

3. Các bị cáo Đào Xuân K, Phan Thị H, Nguyễn Bích N, Tạ Đức V phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Hình phạt:

1. Áp dụng Điều 17, 38, 50, 58; điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Thị G từ 15 đến 18 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ tạm giam từ ngày 07/9/2022 đến ngày 13/10/2022.

2. Áp dụng Điều 17, 38, 50, 55, 58; điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 12 đến 14 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Từ 08 đến 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt tù của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 20 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ tạm giam từ ngày 07/9/2022 đến ngày 13/10/2022.

3. Áp dụng Điều 17, 38, 50, 56, 58; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phan Thị H từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Đề nghị HĐXX tổng hợp hình phạt 36 tháng tù của bản án số 38/2021/HSST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 16/9/2022, được khấu trừ thời gian tạm giữ của bản án số 38/2021/HSST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020.

4. Áp dụng Điều 17, 38, 50, 58; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đào Xuân K từ 09 đến 12 tháng tù về tội về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt tù.

5. Áp dụng Điều 17, 38, 50, 56, 58; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bích N từ 08 đến 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Đề nghị HĐXX tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của bản án số 47/2022/HSPT ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

6. Áp dụng Điều 17, 38, 50, 58; khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Tạ Đức V từ 08 đến đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng về tội “Đánh bạc”.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106- BLTTHS; Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo trình bày ý kiến tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình đã vi phạm pháp luật và đều xin được giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vụ án nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt bị cáo Đào Xuân K, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa). Hội đồng xét xử căn cứ Điều 290, 292- Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vụ án vắng mặt bị cáo Khải và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Do muốn thu lời bất chính từ việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc, nên vào khoảng 16 giờ 42 phút đến 18 giờ 15 phút ngày 07/9/2022, tại tổ 6, phường Q, thành phố H, bị cáo Phạm Thị G đã thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô số đề cho 03 bị cáo gồm: Bị cáo Bùi Thị T đã có hành vi Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc với tổng số tiền mua số lô, số đề là 46.020.000đ (*bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*). Bị cáo Đào Xuân K đã có hành vi đánh bạc 01 lần với tổng số tiền 25.770.000đ (*Hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*). Bị cáo Phan Thị H đã có hành vi đánh bạc 01 lần với tổng số tiền là 5.800.000đ (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền bị cáo G thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc là 77.590.000đ (*Bảy mươi bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*), số tiền phần trăm bị cáo G được hưởng lợi là 353.000đ (*ba trăm năm mươi ba nghìn đồng*). Mục đích các bị cáo G thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc nhằm thu lời cá nhân. Như vậy, hành vi của bị cáo G đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 - Bộ luật hình sự.

[4]. Đối với bị cáo Bùi Thị T: Vào khoảng từ 16 giờ 59 phút đến khoảng 18 giờ 13 phút ngày 07/9/2022, tại tổ 7, phường Q, thành phố H, bị cáo T đã thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô cho 02 bị cáo khác và 03 đối tượng gồm: Bị cáo Nguyễn Bích N đã có hành vi Đánh bạc 01 lần với tổng số tiền là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), bị cáo Tạ Đức V (đã có hành vi Đánh bạc 01 lần với tổng số tiền 8.800.000đ (*Tám triệu tám trăm nghìn đồng*)). Nguyễn Duy N đã có hành vi Đánh bạc 01 lần với số tiền 625.000đ (*sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Nguyễn Kim Th đã có hành vi Đánh bạc 01 lần với số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*). Vũ Văn T đã có hành vi Đánh bạc 01 lần với số tiền 900.000đ (*chín trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền bị cáo T tổ chức đánh bạc là 35.525.000đ (*Ba mươi lăm triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), số tiền phần

trăm được hưởng lợi bất chính là 1.509.000đ (*một triệu năm trăm linh chín nghìn đồng*) ngoài ra bị cáo T trực tiếp thực hiện hành vi Đánh bạc với tổng số tiền là 10.665.000đ (*Mười triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*). Mục đích các bị cáo T thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc và đánh bạc nhằm thu lời cá nhân. Như vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 - Bộ luật hình sự.

[5]. Các bị cáo: Đào Xuân K đã có hành vi đánh bạc 01 lần với tổng số tiền 25.770.000đ (*Hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*). Bị cáo Phan Thị H đã có hành vi đánh bạc 01 lần với tổng số tiền là 5.800.000đ (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*) với bị cáo G. Bị cáo Nguyễn Bích N đã có hành vi Đánh bạc 01 lần với tổng số tiền là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), bị cáo Tạ Đức V (đã có hành vi Đánh bạc 01 lần với tổng số tiền 8.800.000đ (*Tám triệu tám trăm nghìn đồng*) với bị cáo T. Mục đích các bị cáo tham gia đánh bạc nhằm thu lời bất chính. Như vậy, hành vi của các bị cáo K, H, N và bị cáo V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 - Bộ luật hình sự.

[6]. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt đề nghị là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự xã hội. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, làm gia tăng tình hình tội phạm chung.

[8]. Vai trò của các bị cáo: Bị cáo G là người chủ động khởi xướng việc Tổ chức đánh bạc mua, bán số đề, lô với bị cáo T, K, H và những người liên quan khác nhằm mục đích thu lời bất chính. Như vậy, cần buộc bị cáo G phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[9]. Bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm, tự nguyện mua bán số đề, số lô với bị cáo G. Bị cáo trực tiếp mua số lô, đề của các bị cáo N, V và bán cho bị cáo G để nhận tiền chênh lệch, nên phải chịu hình phạt của tội Tổ chức đánh bạc với vai trò đồng phạm với bị cáo giới nhưng nhẹ hơn bị cáo G, đồng thời bị cáo T còn độc lập mua số lô, số đề với bị cáo G nên bị cáo còn phải chịu hình phạt của tội Đánh bạc theo quy định của pháp luật.

[10]. Các bị cáo K, H, N, V tham gia mua số lô, số đề của bị cáo G và bị cáo T, nên căn cứ vào mức độ sát phạt và nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và đúng với quy định của pháp luật.

[11]. Xét về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo G là có nhân thân không tốt, năm 1993 phạm tội trộm cắp tài sản, năm 2006 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy đã bị xử phạt 09 năm tù (đã được xóa án tích). Lẽ ra bị cáo phải thay đổi nhận thức, rút kinh nghiệm cho bản thân. Tuy nhiên, bị cáo G không chấp hành tốt pháp luật, cố ý phạm tội. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh cách ly bị

cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[12]. Bị cáo T là có nhân thân không tốt, năm 2009 và năm 2017 đã bị Công an TP H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc bằng hình thức phạt tiền (đã thi hành xong). Bị cáo không rút kinh nghiệm cho bản thân lại cố ý phạm tội nặng hơn. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo.

[13]. Các bị cáo K, H đều có nhân thân không tốt, bị cáo Khải năm 2005 phạm tội gây rối trật tự công cộng; năm 2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 40 tháng tù theo bản án số 12/2016 (chưa được xóa án tích). Bị cáo H năm 2009 bị xử phạt 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, năm 2010 bị xử phạt 36 tháng cộng với 23 tháng 10 ngày tù của bản án số 12/2009 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 10/8/2021 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 36 tháng tù theo bản án số 38/2021 về tội Đánh bạc (chưa chấp hành xong). Các bị cáo đều không thay đổi nhận thức, rút kinh nghiệm cho bản thân cố ý vi phạm pháp luật, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, phù hợp với hành vi của các bị cáo cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[14]. Bị cáo N là người chưa có tiền án tiền sự, tuy nhiên trong quá trình giải quyết của vụ án khác bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Qua đó thấy rằng bị cáo không có ý thức chấp hành quy định của pháp luật, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian phù hợp để cải tạo giáo dục bị cáo.

[15]. Bị cáo V là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên cần áp dụng hình phạt nhẹ hơn, và bị cáo có nơi cư trú ổn định nên không cần thiết phải cách ly bị cáo mà để bị cáo cải tạo giáo dục ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo, nên áp dụng Điều 65- BLHS cho bị cáo.

[16]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo K, H bị áp dụng tình tiết tăng nặng Tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52- BLHS.

[17]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ nên đều được áp dụng được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51- BLHS. Bị cáo Thảo được tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”; các bị cáo T, K, N đều có bố mẹ là người có công với Nhà nước, bị cáo N, K, H tự nguyện nộp số tiền tham gia đánh bạc nên đều được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51- BLHS. Bị cáo V phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện nộp lại số tiền tham gia đánh bạc nên được áp dụng các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51- BLHS.

[18]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo do các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định.

[19]. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu đen, loại bàn phím bấm, bên trong có lắp thẻ sim Viettel có số thuê bao 0867.685.712 (điện thoại của Phạm Thị G, đã qua sử dụng)

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu đen, loại bàn phím bấm, bên trong có lắp thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0582.725.872 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A31, vỏ màu đen, bên trong có lắp thẻ sim Viettel có số thuê bao 0979.698.333 (điện thoại của Bùi Thị T, đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12, vỏ màu đen, bên trong có lắp 01 (một) thẻ sim Viettel có số thuê bao 0399.881.036 (điện thoại của Đào Xuân K, đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A51, vỏ màu xanh, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Viettel có số thuê bao 0961.369.088 (điện thoại của Phan Thị H, đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY, vỏ màu trắng, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0942.351.986 (điện thoại của Tạ Đức V, đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu xanh, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0913.027.177 (điện thoại của Nguyễn Kim Thuận, đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu vàng, loại bàn phím bấm, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Mobiphone có số thuê bao 0938.130.696 (điện thoại của Nguyễn Bích Nt, đã qua sử dụng).

- 01 (một) máy tính nhãn hiệu CASIO LC-403TV (đã qua sử dụng).

Số vật chứng thu giữ qua điều tra và tại phiên tòa xác định được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) tờ giấy dòng kẻ đã qua sử dụng, một mặt giấy có ghi nhiều chữ và số; 02 (hai) tờ giấy A4 đã qua sử dụng, trên bề mặt giấy có ghi nhiều chữ và số, có chữ ký xác nhận của Phạm Thị G. Đây là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[20]. Số tiền 65.285.000đ (Sáu mươi lăm triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Đào Xuân K, Phan Thị H, Nguyễn Bích N, Tạ Đức V, Vũ Văn T, Nguyễn Duy N Nguyễn Kim Th giao nộp đã chuyển từ tài khoản tạm giữ số: 3949 0 9049423 00000 của Cơ quan điều tra Công an thành phố H tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang đến tài khoản tạm giữ số 3949.0.1047738.0000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Giang. Đây là số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[21]. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, mặt sau màu hồng bị vỡ nhiều vị trí, bên trong có lắp thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0835.233.288

(điện thoại của Phạm Thị G, đã qua sử dụng, không sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo G.

[22]. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu trắng, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0912.565.379 (điện thoại của Vũ Văn T, đã qua sử dụng). Là tài sản của ông T có sử dụng vào việc mua bán số đề nhưng do hành vi của T chỉ bị xử lý hành chính nên trả lại cho ông T.

[23]. Ngoài hành vi Tổ chức đánh bạc, trong ngày 07/9/2022, Phạm Thị G còn có hành vi Đánh bạc với tổng số tiền là 4.070.000đ (bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng), hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại khoản 1, Điều 321 BLHS tuy nhiên đã vi phạm Điểm b, Khoản 3, Điều 28, nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội. Ngày 28/10/2022, Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “bán các số lô, số đề”. Xét việc xử lý của cơ quan CSĐT Công an TP H là đúng luật nên chấp nhận.

[24]. Trong ngày 07/9/2022, Nguyễn Duy N đã có hành vi Đánh bạc với số tiền là 625.000đ (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), Nguyễn Kim Th đã có hành vi Đánh bạc với số tiền là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), Vũ Văn T đã có hành vi Đánh bạc với số tiền là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) không đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại Khoản 1, Điều 321 BLHS nhưng đã vi phạm Khoản 1, Điều 28, nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội. Ngày 28/10/2022, Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Th, T, N bằng hình thức phạt tiền với số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi “mua các số lô, số đề”. Xét việc xử lý của cơ quan CSĐT Công an TP H là đúng luật nên chấp nhận.

[25]. Đối với chiếc điện thoại của Nguyễn Duy N sử dụng để mua các số lô, số đề với bị can T, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã tổ chức truy tìm nhưng chưa phát hiện chiếc điện thoại của Nghĩa, do đó tiếp tục điều tra xác minh đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Xét việc xử lý của cơ quan CSĐT Công an TP H là đúng luật nên chấp nhận.

[26]. Quá trình điều tra bị cáo G khai nhận người sử dụng số điện thoại 0363.626.527 là một người đàn ông tên P (không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể, chỉ biết nhà ở tỉnh Vĩnh Phúc). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang tiến hành xác minh chủ thuê bao cho kết quả chủ thuê bao là Vương Thị P (sinh năm: 20/01/1984, địa chỉ: Thôn V, Huyện Đông T, tỉnh Quảng Ninh). Tiến hành ủy thác điều tra đến công an thị xã Đông T, tỉnh Quảng Ninh, kết quả có công dân Vương Thị P. Quá trình làm việc P khai không quen biết ai có tên Phạm Thị G, không sử dụng số điện thoại 0363.626.527 và không có hành vi mua, bán số lô, số đề. Cơ quan CSĐT chưa đủ căn cứ để xử lý, không có tài liệu chứng cứ nào xác định người dùng số điện thoại 0363.626.527, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang tiếp tục điều tra, làm rõ khi đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định

pháp luật. Xét việc xử lý của cơ quan CSĐT Công an TP H là đúng luật nên chấp nhận.

[27]. Đối với số tài khoản ngân hàng của Phạm Thị G sử dụng tài khoản cá nhân của Ngân hàng Agribank số 8200199929999 và Bùi Thị T sử dụng tài khoản cá nhân của Ngân hàng Agribank số 8200215041397. Căn cứ Công văn số 2750/NHNo.HG-KTNB ngày 29/9/2022 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Hà Giang đã cung cấp thông tin các giao dịch phát sinh trên tài khoản số 8200199929999 và 8200215041397. Trên danh sách giao dịch thể hiện phát sinh giao dịch chuyển tiền đến và đi giữa bị cáo Phạm Thị G với Bùi Thị T, Đào Xuân K, Tạ Đức V, Nguyễn Bích N và nhiều người khác. Quá trình điều tra, các bị cáo đều khai các bị cáo có mối quan hệ quen biết bạn bè từ trước, các giao dịch này là phát sinh từ việc vay mượn tiền của nhau phục vụ cuộc sống hàng ngày, tiền góp vốn làm ăn kinh doanh, không liên quan đến việc thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc và đánh bạc. Hiện nay không có căn cứ chứng minh các giao dịch trên liên quan đến hành vi Tổ chức đánh bạc và đánh bạc do đó Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Xét việc xử lý của cơ quan CSĐT Công an TP H là đúng luật nên chấp nhận.

[28]. Bị cáo G là người cao tuổi nên được miễn án phí HSST theo quy định của pháp luật. Các bị cáo T, H, K, N, V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố:

1. Bị cáo Phạm Thị G phạm tội “Tổ chức đánh bạc”
2. Bị cáo Bùi Thị T phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”
3. Các bị cáo Phan Thị H, Đào Xuân K, Nguyễn Bích N, Tạ Đức V phạm tội “Đánh bạc”.

- Hình phạt:

1. Áp dụng Điều 17, 38, 50, 58; điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Phạm Thị G 16 (Mười sáu) tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2022 đến ngày 13/10/2022.

2. Áp dụng Điều 17, 38, 50, 55, 58; điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt tù của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2022 đến ngày 13/10/2022.

3. Áp dụng Điều 17, 38, 50, 56, 58; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Phan Thị H 11 (mười một) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù của bản án số 38/2021/HSST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 47 (bốn mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2022, được khấu trừ tạm giữ của bản án số 38/2021/HSST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang từ ngày 01/7/2020 đến ngày 10/7/2020.

4. Áp dụng Điều 17, 38, 50, 58; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Đào Xuân K 10 (Mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

5. Áp dụng Điều 17, 38, 50, 56, 58; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bích N 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù của bản án số 47/2022/HSPT ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/9/2022 đến ngày 09/11/2022.

6. Áp dụng Điều 17, 38, 50, 58; khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Tạ Đức V 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng, về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 29/12/2022. Giao bị cáo Tạ Đức V cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị

cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu đen, loại bàn phím bấm, bên trong có lắp thẻ sim Viettel có số thuê bao 0867.685.712 (điện thoại của Phạm Thị G, đã qua sử dụng). 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu đen, loại bàn phím bấm, bên trong có lắp thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0582.725.872 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A31, vỏ màu đen, bên trong có lắp thẻ sim Viettel có số thuê bao 0979.698.333 (điện thoại của Bùi Thị T, đã qua sử dụng). 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12, vỏ màu đen, bên trong có lắp 01 (một) thẻ sim Viettel có số thuê bao 0399.881.036 (điện thoại của Đào Xuân K, đã qua sử dụng). 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A51, vỏ màu xanh, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Viettel có số thuê bao 0961.369.088 (điện thoại của Phan Thị H, đã qua sử dụng). 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY, vỏ màu trắng, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0942.351.986 (điện thoại của Tạ Đức V, đã qua sử dụng). 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu vàng, loại bàn phím bấm, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Mobiphone có số thuê bao 0938.130.696 (điện thoại của Nguyễn Bích N, đã qua sử dụng). 01 (một) máy tính nhãn hiệu CASIO LC-403TV (đã qua sử dụng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tờ giấy dòng kẻ đã qua sử dụng, một mặt giấy có ghi nhiều chữ và số; 02 (hai) tờ giấy A4 đã qua sử dụng, trên bề mặt giấy có ghi nhiều chữ và số, có chữ ký xác nhận của Phạm Thị Giới.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 65.285.000đ (Sáu mươi lăm triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Đào Xuân K, Phan Thị H, Nguyễn Bích N, Tạ Đức V, Vũ Văn Tì, Nguyễn Duy N, Nguyễn Kim Th giao nộp đã chuyển từ tài khoản tạm giữ số: 3949 0 9049423 00000 của Cơ quan điều tra Công an thành phố H tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang đến tài khoản tạm giữ số 3949.0.1047738.0000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Giang.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị G: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, mặt sau màu hồng bị vỡ nhiều vị trí, bên trong có lắp thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0835.233.288 (điện thoại đã qua sử dụng).

- Trả lại cho Vũ văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu trắng, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0912.565.379 (điện thoại đã qua sử dụng).

- Trả lại cho Nguyễn Kim Th: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu xanh, bên trong lắp 01 (một) thẻ sim Vinaphone có số thuê bao 0913.027.177 (điện thoại đã qua sử dụng).

Vật chứng được bàn giao tại biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Hà Giang và cơ quan Thi hành án dân sự TP H ngày 28 /11/2022.

4. Biện pháp tư pháp:

- Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 02/LPT-CQĐT ngày 08/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với tài khoản: 8200199929999; tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Hà Giang của Phạm Thị G.

- Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPT-CQĐT ngày 08/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với tài khoản: 34510000340657; tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà Giang của Phan Thị H.

- Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 04/LPT-CQĐT ngày 08/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với tài khoản: 8200215041397; tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Hà Giang của Bùi Thị T.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo G; buộc các bị cáo T, H, K, N, V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ, án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Đào Xuân K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát TP. H;
- Công an TP.H;
- Nhà tạm giữ - Công an TP.H;
- UBND P. Quang Trung, TP. H;
- Các Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Bình